TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/KDTM-ST.
Ngày: 03-10-2019
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Kim Nguyên**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lại Thị Đắc**

2. Bà **Thái Thục Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Cao Sơn -** Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Kim Sinh -** Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2017/TLST-KDTM ngày 05 tháng 6 năm 2017 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 112/2019/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2019/QĐST-KDTM ngày 10/9/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng V**

Trụ sở: Đường L, phường H, quận Đ, thành phố Hà Nội

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đỗ N, sinh năm 1996; địa chỉ: Đường L, Phường G, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018 và Văn bản ủy quyền số 2809/2019/XLN-AMC ngày 18/01/2019).

Bị đơn: **Công ty P**

Trụ sở: Đường B, Phường D, Quận H, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà **Hồ Thị A**, sinh năm: 1968

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên

Địa chỉ: Đường T, Phường E, Quận E, Tp. Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **T,** sinh năm 1971

Địa chỉ: Đường C, phường T, quận P, Tp. Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 11 tháng 4 năm 2017 và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn – Ngân hàng V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng V) có các ông Phạm V, Võ C, Đỗ N là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty P đã vay vốn Ngân hàng V Chi nhánh Sài Gòn theo Hợp đồng tín dụng số SME/Q10/16/0048/HDTD-01 ngày 23/5/2016, Hợp đồng tín dụng số SME/Q10/16/0048/HDTD-02 ngày 14/6/2016 và Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc SME/Q10/16/0048/HDNT ngày 23/5/2016, với 02 khế ước nhận nợ sau:

- Khế ước nhận nợ lần 01/số: SME/Q10/16/0048/HDTD-01-01 ngày 23/5/2016 với số tiền nhận nợ 600.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng (ngày giải ngân: 23/5/2016, ngày đến hạn: 23/5/2019), lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 19,35%/năm (mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 23/8/2016), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn;

- Khế ước nhận nợ lần 01/số: SME/Q10/16/0048/HDTD-02 ngày 14/6/2016 với số tiền nhận nợ 900.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng (ngày giải ngân: 14/6/2016, ngày đến hạn: 14/6/2019), lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 19,85%/năm (mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần kể từ ngày giải ngân, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 14/9/2016), lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Để bảo đảm cho khoản vay trên, Ngân hàng V và các bên đã thống nhất áp dụng biện pháp bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông T theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/Q10/16/0048/HDBL ngày 23/5/2016.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty P đã trả được 119.824.914 đồng nợ gốc, 62.217.437 đồng nợ lãi. Kể từ ngày 15/9/2016, Công ty P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty P để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty P cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng V.

Tạm tính đến hết ngày 03/10/2019, Công ty P còn nợ Ngân hàng V tổng số tiền 2.635.756.082 đồng (trong đó: nợ gốc quá hạn là 1.380.175.086 đồng và nợ lãi quá hạn là 1.255.580.996 đồng).

Nay, Ngân hàng V khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, buộc:

1. Công ty P phải trả ngay một lần cho Ngân hàng V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 03/10/2019 là 2.635.756.082đ (Hai tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn không trăm tám mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên kể từ ngày 04/10/2019 cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V.

2. Trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa nhưng Công ty P không cử người đại diện hợp pháp và ông T cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng. Công ty P và ông T cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Do đó, Tòa án không thể thu thập được lời khai của Công ty P và ông T.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Đỗ N vẫn giữ nguyên ý kiến có trong hồ sơ, yêu cầu Tòa án buộc Công ty Pphải trả ngay một lần cho Ngân hàng V tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 03/10/2019 là 2.635.756.082 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 04/10/2019 cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Ngân hàng V. Trường hợp Công ty P không Ttoán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay theo hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện Kiểm sát nhân dân Quận 8, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng V khởi kiện Công ty P yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng tín dụng đã ký kết, xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về "tranh chấp hợp đồng tín dụng"; bị đơn có trụ sở tại Quận 8, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Đỗ N có Đơn đề nghị Tòa án không tiến hành thủ tục hòa giải. Căn cứ khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các bên.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai (bằng thủ tục niêm yết về ngày, giờ tham gia phiên tòa) nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Xét, việc Ngân hàng V yêu cầu Công ty P trả cho Ngân hàng V tổng số tiền nợ còn thiếu bao gồm (nợ gốc quá hạn, nợ lãi quá hạn) tính đến ngày 03/10/2019 là 2.635.756.082đ (Hai tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn không trăm tám mươi hai đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 04/10/2019 cho đến ngày Công ty P trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng đã ký. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Trường hợp Công ty P không Ttoán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền nợ còn thiếu nêu trên thì ông T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền nợ trên theo Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập Công ty P và ông T đến Tòa án để tự khai, tham gia phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa (bằng thủ tục niêm yết) nhưng Công ty P không cử đại diện hợp pháp và ông T cũng không đến Tòa án theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng. Đồng thời, Công ty P và ông T cũng không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V. Điều này xem như Công ty P và ông T đã từ bỏ quyền và không thực hiện nghĩa vụ tham gia

tố tụng tại Tòa án để bảo vệ quyền lợi của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và những chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xem xét giải quyết vụ án.

- Về yêu cầu đòi tiền nợ gốc quá hạn:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số SME/ Q10/16/0048/HDTD-01 ngày 23/5/2016, Hợp đồng tín dụng số SME/Q10/16/0048/HDTD-02 ngày 14/6/2016, Hợp đồng cấp tín dụng nguyên tắc SME/Q10/16/0048/HDTD ngày 23/5/2016 và các Khế ước nhận nợ lần 01 số SME/Q10/16/0048/HDTD-01-01 ngày 23/5/2016, lần 01 số SME/Q10/16/0048/HDTD-02 ngày 14/6/2016 thể hiện giữa Ngân hàng V với Công ty P có giao kết 02 Hợp đồng tín dụng, giải ngân 02 lần theo 02 Khế ước nhận nợ nêu trên là có thật. Trong quá trình vay vốn, Công ty P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, số tiền nợ gốc còn nợ Ngân hàng V đến ngày 03/10/2019 là 1.380.175.086 đồng (nợ gốc quá hạn của Hợp đồng tín dụng ngày 23/5/2016: 550.050.000 đồng; nợ gốc quá hạn của Hợp đồng tín dụng ngày 14/6/2016: 830.125.086 đồng). Hội đồng xét xử xét thấy Công ty P đã vi phạm thỏa thuận giữa các bên trong các hợp đồng tín dụng đã ký kết, kể từ ngày 15/9/2016 Công ty P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Do đó, yêu cầu đòi tiền nợ gốc quá hạn của Ngân hàng V là có cơ sở, phù hợp quy định tại các Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 nên được chấp nhận.

- Về yêu cầu đòi tiền nợ lãi quá hạn:

Do Công ty P vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong quá trình vay vốn, nên kể ngày 15/9/2016 Ngân hàng V đã chuyển toàn bộ dư nợ gốc còn thiếu của 02 Hợp đồng tín dụng đã ký ngày 23/5/2016 và ngày 14/6/2016 sang nợ quá hạn và tính lãi quá hạn từ ngày 15/9/2016 là phù hợp với khoản 4 Điều 2, Điều 6 của các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên, đúng theo quy định pháp luật tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Xét yêu cầu của Ngân hàng V đòi Công ty P thanh toán tiền nợ lãi quá hạn đến ngày 03/10/2019 với tổng số tiền là 1.255.580.996 đồng (nợ lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng ngày 23/5/2016: 496.365.555 đồng; nợ lãi quá hạn của Hợp đồng tín dụng ngày 14/6/2016: 759.215.441) theo bảng tính lãi do Ngân hàng V lập là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã ký kết (Điều 2, Điều 6 các Hợp đồng tín dụng); phù hợp quy định của pháp luật tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu đòi tiền lãi phát sinh kể từ ngày 04/10/2019 cho đến ngày Công ty P trả hết nợ theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên được chấp nhận.

- Về thời hạn thanh toán:

Xét Công ty P đã vi phạm thời hạn thanh toán của cả 02 Hợp đồng tín dụng đã ký, kể từ ngày 29/11/2017 cho đến nay không thanh toán khoản tiền nào cho Ngân hàng V. Như vậy, cho thấy Công ty P đã không có thiện chí trả nợ nên yêu cầu của Ngân hàng V buộc Công ty P trả một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật là chính đáng, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu ông T phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền nợ mà Công ty P còn thiếu trong trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ cho Ngân hàng V là phù hợp với thỏa thuận tại Điều 2 Hợp đồng bảo lãnh số SME/Q10/16/0048/HDBL ngày 23/5/2016 ký giữa ông T với Ngân hàng V, nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm là 84.715.122đ (Tám mươi bốn triệu bảy trăm mười lăm nghìn một trăm hai mươi hai đồng):

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp;

- Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Buộc Công ty P phải thanh toán cho Ngân hàng V số tiền 2.635.756.082đ (Hai tỷ sáu trăm ba mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn không trăm tám mươi hai đồng), trong đó (nợ gốc quá hạn: 1.380.175.086 đồng; nợ lãi quá hạn tính đến ngày 03/10/2019 là 1.255.580.996 đồng) theo các Hợp đồng tín dụng số

SME/Q10/16/0048/HDTD-01 ngày 23/5/2016 và số SME/Q10/16/0048/HDTD-02 ngày 14/6/2016.

Ngoài ra, kể từ ngày 04/10/2019, Công ty P phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng V tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc thực nợ theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số SME/Q10/16/0048/HDTD-01 ngày 23/5/2016 và số SME/Q10/16/0048/HDTD-02 ngày 14/6/2016 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ gốc này.

Thanh toán một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Trường hợp Công ty P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì ông T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền mà Công ty P còn nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo lãnh số SME/Q10/16/0048/HDBL ngày 23/5/2016.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Hoàn trả lại cho Ngân hàng V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 29.812.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0027359 ngày 25/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

2.2. Công ty P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 84.715.122đ (Tám mươi bốn triệu bảy trăm mười lăm nghìn một trăm hai mươi hai đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

3.1. Ngân hàng V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án;

3.2. Công ty P, ông T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Kim Nguyên

Nơi nhận:
- TAND.TPHCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.